TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường S, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Hiện nay, anh S đang thi hành án phạt tù tại đội 24, phân trại số B, Trại giam V1 – Cục C, Bộ C1. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu N *trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trường S tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh S tại xã H, huyện T, Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh S ham chơi, không tu chí làm ăn và nghiện ma túy. Chị và anh S đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai từ năm 2019. Năm 2022, anh S đã vi phạm pháp luật dẫn đến bị phạt tù và phải đi cải tạo tại Trại Giam V1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương Thảo V, sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Việt L, sinh ngày 02/01/2014.

Nếu ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trường S trình bày [BL 26]:

Anh và chị N kết hôn với nhau ngày 26/8/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân có lỗi của anh S do anh chưa tu chí làm ăn nhưng anh xác định nguyên nhân chính là do chị N có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay chị N xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày. Nếu ly hôn đặt ra, anh S đề nghị để bố mẹ anh (ông bà nội các cháu) là người nuôi dưỡng chăm sóc các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình, đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Trường S.

+ Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị N chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Trường S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh S có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh S vắng mặt lần thứ nhất (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Trường S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 26/8/2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không tu chí làm ăn, vợ chồng mất lòng tin ở nhau. Kể từ năm 2019, chị N và anh S đã sống ly thân cho đến nay.

Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh S không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh S đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là Nguyễn Phương Thảo V, sinh ngày 02/02/2012 và cháu Nguyễn Việt L, sinh ngày 02/01/2014. Cả anh S và chị N đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay anh S đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam V1, tỉnh Vĩnh Phúc, chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con chung. Anh S có quan điểm là đề nghị giao các con chung của anh chị cho bố mẹ anh (là ông bà nội của các cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không phù hợp. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, xét giao các con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho các cháu có điều kiện được quan tâm chăm sóc, học tập và phát triển. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị N và anh S đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Trường S

[2]. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Phương Thảo V, sinh ngày 02/02/2012 và cháu

Nguyễn Việt L, sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003658 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí.

Chị N có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND tt Tam Sơn.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan